

Vietnam Daily Review

Thị trường tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/2/2022		•	
Tuần 21/2-25/2/2022		•	
Tháng 2/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một buổi sáng chật vật, VN-Index tăng được 4 điểm. Vừa bước sang phiên chiều, VN-Index thoát khỏi thế giằng co, bên mua chiếm được quyền kiểm soát, đưa chỉ số tăng vọt 7 điểm. Tuy nhiên, sự tăng điểm đột ngột này hẳn đã khiến nhiều nhà đầu tư giật mình, chỉ số gặp áp lực chốt lời ngay sau đó và quay đầu giảm, kết phiên tăng 6 điểm so với thứ sáu tuần trước. Chiếm chọn spotlight ngày hôm nay chắc hẳn là ngành Bất động sản, xây dựng với hàng loạt mã tăng mạnh, và có nhiều mã tăng trần. Ngoài ra, ngày Dầu khí cũng có một phiên giao dịch khá “cháy”. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên HSX và bán ròng trên HNX.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/02/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: HBC_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index +6.00 điểm, đóng cửa 1510.84 điểm. HNX-Index +5.38 điểm, đóng cửa 440.99 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+1.36), GVR (+1.04), BID (+0.70), DIG (+0.46), ACB (+0.38).
- Kéo chỉ số giảm: MSN (-0.87), GAS (-0.57), HPG (-0.45), VJC (-0.40), BCM (-0.33).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 22,004 tỷ đồng, tăng 4.27% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,420 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 15.66 điểm. Thị trường có 286 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 150 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 175.56 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm KBC (51.9 tỷ), VHM (44.7 tỷ), DXG (44.5 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -17.22 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Ví mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX 1510.84

Giá trị: 1598.63 tỷ

6 (0.4%)

Khối ngoại (ròng): 175.56 tỷ

HNX-INDEX 440.99

Giá trị: 2700.59 tỷ

5.38 (1.24%)

Khối ngoại (ròng): -17.22 tỷ

UPCOM-INDEX 113.67

Giá trị: 1598.63 tỷ

0.95 (0.84%)

Khối ngoại(ròng): 10.9 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	91.3	0.29%
Giá vàng	1,896	-0.11%
Tỷ giá USD/VND	22,830	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,945	0.29%
Tỷ giá JPY/VND	19,873	0.12%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	6.20%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-8.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KBC	51.9	FUEVFN	-138.7
VHM	44.7	MSN	-24.9
DXG	44.5	CTD	-19.1
VND	34.9	NKG	-14.6
HDG	31.1	DIG	-14.4

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

HBC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HBC đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ 25.1. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu trong phiên hôm nay. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều cho thấy tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 28.9, chốt lãi tại ngưỡng 35.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 27.1.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

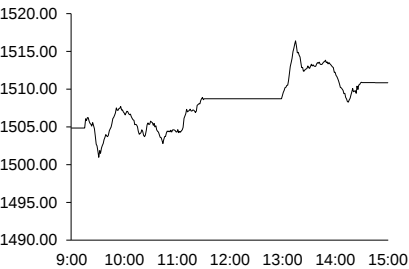
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	2.30%
Y tế	2.10%
Hóa chất	1.86%
Công nghệ Thông tin	1.73%
Ô tô và phụ tùng	1.47%
Xây dựng và Vật liệu	1.30%
Bất động sản	0.95%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.68%
Truyền thông	0.63%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.41%
Dầu khí	0.33%
Bán lẻ	0.24%
Ngân hàng	0.17%
Viễn thông	0.00%
Bảo hiểm	-0.09%
Thực phẩm và đồ uống	-0.32%
Tài nguyên Cơ bản	-0.59%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.66%
Du lịch và Giải trí	-1.41%

Hình 1

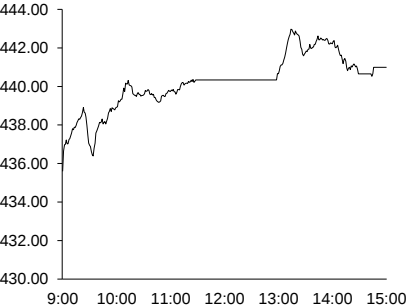
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

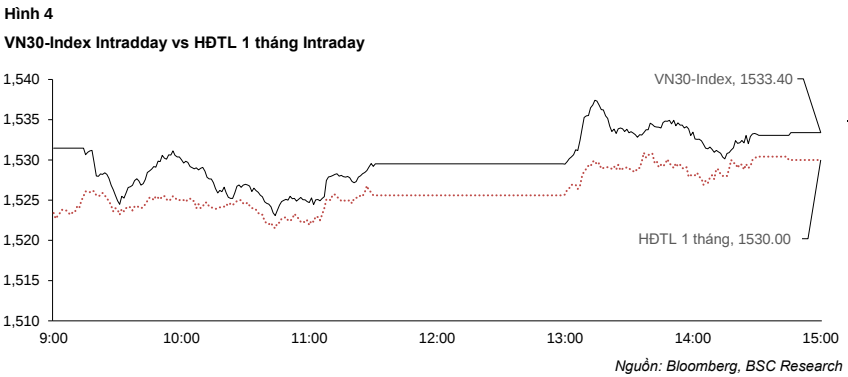
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	20.1	3	1.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
17/2/22	DGC	147	160	141.5	151.5	4	3.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	20.5	5	0.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.8	6	-1.82%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	49	11	2.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.65	13	2.41%	Có thể tiếp tục mua
28/1/22	MBS	32.5	38	31.9	36.9	24	13.54%	Cần nhắc không mua thêm (**)
25/1/22	GAS	109.5	121	106	115.8	27	5.75%	Có thể tiếp tục mua
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	81	33	2.40%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/12/21	PNJ	96	110.2	90.6	106.5	52	10.94%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
7/2/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
27/1/22	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
21/1/22	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
20/1/22	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
18/1/22	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
17/1/22	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
14/1/22	NBC	17.4	19.7	16.5	SL	4	-5.17%
13/1/22	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
12/1/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
11/1/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	1	4.14%	-1.82%	4.15%	19
Cổ phiếu đã chốt	233	176	7.83%	-7.37%	5.10%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2202	1540.50	1.28%	7.10	-14.0%	132,651	2/17/2022	0
VN30F2203	1530.00	0.33%	-3.40	-22.8%	103,299	3/17/2022	26
VN30F2206	1520.00	0.73%	-13.40	4500.0%	46	6/16/2022	117
VN30F2209	1515.10	0.14%	-18.30	11.1%	20	9/15/2022	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng +1.93 điểm lên 1533.40 điểm. Các cổ phiếu như VIC, ACB, FPT, SSI, VRE, VNM đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 tiếp tục biến động nhẹ quanh ngưỡng 1530 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn đang ủng hộ nhịp tích lũy trong vùng 1500-1550 điểm.
- Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, hai HĐ VN30F2203 và VN30F2204 giảm, HĐ còn lại tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng. Điểm số tăng và lượng hợp đồng mở tăng mạnh cho thấy xu hướng tích lũy theo chiều long. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2108	3/14/2022	21	5:1	14,700	30.72%	3,500	2,670	28.37%	1,900	1.40	130,192	126,000	133,900
CMWG2108	3/14/2022	21	5:1	14,700	30.72%	3,500	2,670	28.37%	1,900	1.40	130,192	126,000	133,900
CMWG2108	3/14/2022	21	5:1	14,700	30.72%	3,500	2,670	28.37%	1,900	1.40	130,192	126,000	133,900
CVRE2112	3/1/2022	8	2:1	557,400	38.54%	2,250	1,050	5.00%	1,099	0.96	49,500	32,000	34,100
CKDH2107	4/27/2022	65	8:1	43,600	34.69%	1,300	1,620	4.52%	1,361	1.19	52,588	43,888	54,200
CVRE2109	3/7/2022	14	4:1	945,500	38.54%	1,100	1,300	1.56%	1,290	1.01	81,900	29,000	34,100
CMWG2104	3/22/2022	29	6.644:1	35,900	30.68%	2,400	6,940	1.02%	6,700	1.04	91,479	135,000	133,900
CSTB2112	5/24/2022	92	1:1	9,400	39.37%	3,800	5,170	0.00%	3,972	1.30	37,820	31,000	33,200
CPNJ2106	3/14/2022	21	4.968:1	15,900	30.23%	2,600	2,000	0.00%	1,950	1.03	134,951	98,000	106,500
CMBB2108	3/1/2022	8	2:1	720,400	32.14%	1,880	1,360	0.00%	1,341	1.01	45,000	30,000	32,650
CTPB2101	4/6/2022	44	3.703:1	23,300	41.98%	2,500	2,850	-1.72%	2,143	1.33	34,273	33,333	40,900
CPNJ2201	9/20/2022	211	8:1	42,700	30.23%	2,300	2,930	-2.01%	2,177	1.35	142,900	95,500	106,500
CSTB2202	9/20/2022	211	2:1	474,300	39.37%	2,700	4,030	-2.18%	3,167	1.27	63,420	29,500	33,200
CMBB2201	9/20/2022	211	2:1	467,100	32.14%	2,700	3,750	-2.34%	2,672	1.40	40,380	29,500	32,650
CMBB2107	4/8/2022	46	2:1	711,800	32.14%	2,200	2,210	-2.64%	1,630	1.36	55,040	30,000	32,650
CTCB2105	5/4/2022	72	5:1	691,800	32.20%	3,600	2,100	-2.78%	1,496	1.40	56,458	45,000	51,500
CSTB2109	3/7/2022	14	2:1	1,002,600	39.37%	2,300	2,280	-4.60%	2,139	1.07	40,040	29,000	33,200
CMSN2110	4/8/2022	46	9.987:1	269,100	36.89%	2,200	2,370	-4.82%	2,105	1.13	142,299	142,000	160,300
CMSN2104	5/4/2022	72	9.987:1	67,500	36.89%	5,200	4,500	-6.25%	4,383	1.03	118,110	0	160,300
CMSN2107	3/14/2022	21	4.993:1	23,700	36.89%	3,100	3,120	-8.24%	2,493	1.25	151,259	150,000	160,300
Tổng				6,131,400	34.82%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/02/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2112 và CACB2102 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 130.77% và 120.45%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -2.67%. CSTB2109 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.07% thị trường.
- CVIC2106, CMWG2114, CMWG2108 và CPDR2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CSTB2202, CMBB2201, và CSTB2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CSTB2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.9	-0.1%	0.8	4,150	3.6	6,936	19.3	4.7	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	106.5	-0.5%	0.9	1,053	3.2	4,543	23.4	4.0	47.8%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	57.2	-0.2%	1.4	1,846	1.6	2,501	22.9	2.0	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	48.9	0.2%	0.5	498	0.2	3,543	13.8	1.5	57.8%	10.9%
VIC	Bất động sản	83.6	1.7%	0.7	13,863	9.1	(759)	N/A	2.8	13.0%	-3.1%
VRE	Bất động sản	34.1	1.5%	1.1	3,369	8.1	578	58.9	2.5	30.0%	4.4%
VHM	Bất động sản	80.0	0.4%	1.1	15,146	10.8	9,048	8.8	2.7	23.9%	36.4%
DXG	Bất động sản	39.5	1.5%	1.3	1,024	16.6	1,941		2.7	29.4%	15.5%
SSI	Chứng khoán	46.0	1.8%	1.5	1,966	21.9	2,768	16.6	3.2	39.1%	22.5%
VCI	Chứng khoán	62.5	3.3%	1.0	905	7.6	4,512	13.9	3.2	20.3%	27.1%
HCM	Chứng khoán	38.5	1.9%	1.5	765	8.4	2,805	13.7	2.4	44.1%	19.5%
FPT	Công nghệ	93.5	1.4%	0.9	3,689	5.6	4,354	21.5	4.7	49.0%	25.7%
FOX	Công nghệ	72.8	-0.3%	0.4	1,039	0.0	4,304	16.9	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	115.8	-1.0%	1.3	9,636	1.7	4,381	26.4	4.3	2.9%	17.4%
PLX	Dầu khí	59.9	0.2%	1.5	3,309	6.1	2,337	25.6	3.0	17.2%	12.3%
PVS	Dầu khí	29.1	0.3%	1.7	605	7.9	1,260	23.1	1.2	9.1%	5.0%
BSR	Dầu khí	26.3	-0.4%	0.8	3,545	11.2	(909)		2.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	115.0	5.6%	0.4	654	0.5	5,720	20.1	4.0	54.3%	20.3%
DPM	Hóa chất	48.6	-1.0%	0.8	827	9.9	7,914	6.1	1.8	8.8%	33.5%
DCM	Hóa chất	31.2	1.6%	0.7	718	6.0	3,313	9.4	2.2	5.6%	25.3%
VCB	Ngân hàng	87.4	0.2%	1.1	17,984	3.9	5,005	17.5	3.7	23.6%	21.4%
BID	Ngân hàng	45.3	1.2%	1.3	9,952	5.7	2,090	21.7	2.8	16.9%	13.2%
CTG	Ngân hàng	34.4	-0.6%	1.3	7,188	17.9	2,940	11.7	1.8	26.0%	15.9%
VPB	Ngân hàng	35.9	0.0%	1.2	6,939	15.8	2,667	13.5	2.0	15.2%	18.0%
MBB	Ngân hàng	32.7	0.0%	1.2	5,364	26.5	3,362	9.7	2.1	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	34.4	1.6%	1.0	4,041	10.7	3,554	9.7	2.1	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	63.3	2.9%	0.7	225	0.7	2,618	24.2	2.3	85.0%	9.0%
NTP	Nhựa	64.3	-0.3%	0.4	329	0.3	3,951	16.3	2.8	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	26.8	5.5%	0.8	1,281	0.7	39	687.2	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.7	-0.9%	1.1	9,072	24.9	7,708	6.1	2.3	23.2%	46.1%
HSG	Thép	36.8	-1.3%	1.4	788	11.8	8,581	4.3	1.6	6.8%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	81.0	0.5%	0.6	7,360	4.5	4,518	17.9	5.1	54.5%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	169.6	0.1%	0.8	4,729	0.8	5,663	29.9	5.1	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	160.3	-1.8%	0.9	8,228	6.7	7,257	22.1	5.8	28.8%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	23.0	0.4%	1.3	629	4.2	1,097	21.0	1.7	7.1%	7.8%
ACV	Vận tải	96.4	0.0%	0.8	9,124	0.3	577	167.1	5.6	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	146.0	-2.0%	1.1	3,438	6.2	2,271		4.7	16.5%	7.7%
HVN	Vận tải	26.8	-1.8%	1.7	2,580	5.5	(6,523)		24.8	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	51.2	-1.3%	1.0	671	3.3	1,846	27.7	2.4	43.1%	9.1%
PVT	Vận tải	23.0	0.4%	1.4	324	2.1	2,066	11.1	1.4	12.5%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	107.7	0.1%	0.8	749	0.4	10,538	10.2	3.5	3.9%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	56.2	-0.5%	0.5	1,096	2.3	2,738	20.5	3.5	3.9%	18.2%
HT1	Vật liệu xây dựng	22.6	3.9%	0.9	375	1.9	969	23.3	1.7	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	94.8	0.9%	1.1	304	2.3	310	305.3	0.9	47.2%	0.3%
CII	Xây dựng	33.4	6.9%	0.8	347	20.5	(1,434)	N/A	1.6	11.3%	-7.1%
REE	Điện	72.4	-0.1%	-1.4	973	2.4	6,001	12.1	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	37.7	0.1%	-0.4	385	1.8	2,997	12.6	1.9	4.8%	15.9%
POW	Điện	18.4	-0.8%	0.6	1,873	14.9	759	24.2	1.5	2.6%	6.1%
NT2	Điện	24.6	1.9%	0.6	308	0.6	1,778	13.8	1.7	14.1%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	58.5	0.0%	1.2	1,449	17.9	1,593	36.7	2.4	17.9%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	82.4	-2%	1.1	3,708	0.6			5.4	2.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	83.60	1.70	1.37	2.51MLN
GVR	34.60	2.98	1.03	2.34MLN
BID	45.25	1.23	0.57	2.96MLN
DIG	95.00	3.83	0.45	4.79MLN
ACB	34.40	1.62	0.38	7.29MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.91	957200	1.11MLN
GAS	0.00	-0.59	332600	607060
HPG	0.00	-0.46	12.18MLN	373600
VJC	0.00	-0.42	974300	192700
BCM	0.00	-0.35	170000	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAR	10.40	7.00	0.02	2.26MLN
VRC	39.00	7.00	0.03	359700
LDG	20.65	6.99	0.08	14.32MLN
AGM	39.80	6.99	0.01	285300
RIC	19.15	6.98	0.01	71000

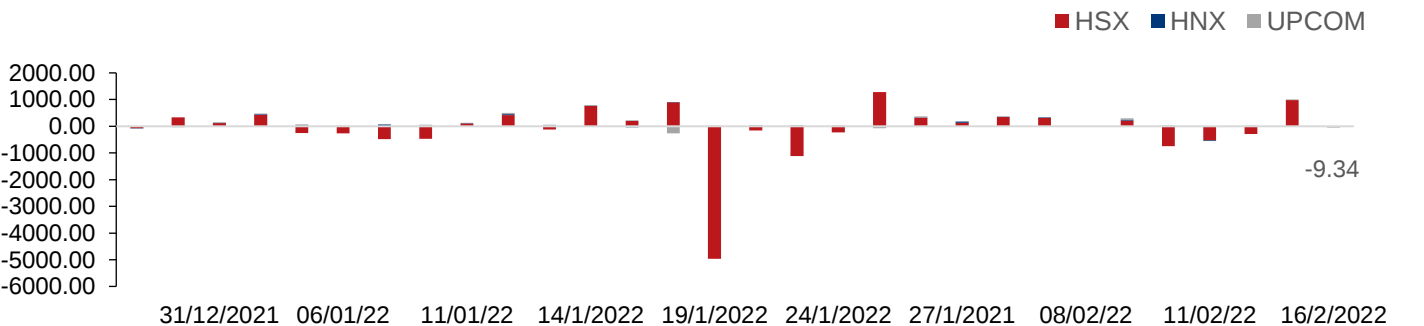
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	35.00	-6.67	-0.01	100
TTE	15.90	-6.47	-0.01	1000
EMC	17.80	-6.32	-0.01	800.00
NAV	22.40	-5.88	0.00	4200
BTT	46.00	-5.15	-0.01	300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	34.5	1,267	27.2	1.8	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	38.9	1,968	19.8	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.3	-909	#N/A N/A	2.6	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	73.6	362	203.3	6.3	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	94.8	310	305.3	0.9	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	77.5	7,200	10.8	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	31.2	3,313	9.4	2.2	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	151.5	13,121	11.5	4.3	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	65.5	5,715	11.5	3.0	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.2	2,450	12.7	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	39.5	1,941	20.3	2.7	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	23.7	949	24.9	1.4	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	16.2	1,454	11.1	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.5	4,354	21.5	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	115.8	4,381	26.4	4.3	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	115.8	4,381	26.4	4.3	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	35.0	3,134	11.2	2.4	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.7	7,708	6.1	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	36.8	8,581	4.3	1.6	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	24.9	157	158.9	2.3	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.7	1,520	12.3	0.9	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.7	1,520	12.3	0.9	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.0	689	23.2	1.2	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	54.2	1,833	29.6	3.4	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	54.6	5,898	9.3	1.9	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	82.0	8,820	9.3	2.9	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.9	6,936	19.3	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	40.8	10,793	3.8	1.6	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	55.3	3,181	17.4	2.4	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.6	1,778	13.8	1.7	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	37.7	2,997	12.6	1.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.5	4,543	23.4	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	106.5	4,543	23.4	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.4	759	24.2	1.5	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.9	3,543	13.8	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.1	1,260	23.1	1.2	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.9	1,064	33.7	3.7	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.8	14,369	2.8	1.0	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	78.2	3,013	25.9	5.3	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.6	2,375	10.4	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.4	570	46.3	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	76.0	6,052	12.6	2.4	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	81.0	4,518	17.9	5.1	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	34.1	578	58.9	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	43.0	3499.1	12.3	1.8	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.5	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022	x		Click
2	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
4	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
5	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
6	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
7	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
11	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
12	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
14	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
17	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
20	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
23	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
27	Banking Sector Outlook		x	Click
28	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
30	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
31	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
32	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
33	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
34	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
35	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
36	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
37	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
38	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
39	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
40	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
41	Fishery Outlook 2021		x	Click
42	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
43	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639